

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày 14 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Kiều Thị T.

2. Bà Nguyễn Thị N.

- Thư ký phiên tòa: Bà Không Phương T - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phan A - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2021/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức M, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2001, tại: xã V, huyện L, tỉnh V; nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc V và bà Đỗ Thị L; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/10/2021 đến ngày 09/12/2021 được tại ngoại, đến nay “có mặt”.

Bị hại: Anh Cao Quý Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện T, V, “vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Văn K, sinh năm 1993.

Hộ khẩu thường trú: Xã Đức B, huyện S, V, “vắng mặt”.

Địa chỉ: Quán điện tử “Net26.club” ở tổ dân phố M, phường K, thành phố V, tỉnh V, “vắng mặt”.

- Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện L, V, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 28/6/2021, sau khi ăn sáng tại khu vực công nhà máy bê tông thuộc thôn Khu Phố, xã Đ, huyện T. Nguyễn Đức M cùng với Phùng Văn M, sinh năm 1994 ở tổ dân phố T, phường H, thành phố V và anh Cao Quý Đ đến nhà anh Kiều Anh C, sinh năm 1995 ở thôn D, xã Đạo T, huyện T chơi. Ngồi chơi uống nước nhà anh C khoảng 30 phút, do điện thoại hết tiền nên Đ nói với M: “Ra mua hộ anh cái thẻ Viettel 50.000đ” rồi Đ đưa cho M 01 tờ tiền 50.000đ và chìa khóa của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đỏ đen, BKS: 88K1-5256 của mình. Minh đồng ý cầm tiền và chìa khóa điều khiển xe mô tô đi mua thẻ nạp điện thoại. Trên đường đi mua thẻ điện thoại, M nảy sinh ý định mang xe mô tô của anh Đ đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân, nên M không đi mua thẻ nạp điện thoại cho anh Đ nữa mà M điều khiển xe mô tô đi xuống quán điện tử “Net26.club” ở tổ dân phố M, phường K, thành phố V do anh Bùi Văn K làm chủ để cầm cố xe mô tô của anh Đ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày 28/6/2021, M đến quán điện tử “Net26.club” gặp và thỏa thuận với anh K cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 88K1-5256 với giá 3.000.000đ. Anh K đồng ý cho M cầm cố chiếc xe trên vay 3.000.000đ trong thời hạn 10 ngày trừ trước tiền lãi là 300.000đ và thỏa thuận với M trong thời hạn 10 ngày nếu M không trả tiền thì K sẽ bán chiếc xe này. M đồng ý và cầm số tiền 2.700.000đ tiêu xài cá nhân hết, sau đó do không có khả năng trả lại tài sản nên M đã bỏ trốn.

Sau khi sự việc xảy ra, anh Đ nhiều lần gọi điện cho M yêu cầu trả xe mô tô nhưng M tắt máy nên ngày 09/7/2021 anh Đ đã trình báo Công an huyện T.

Ngay sau khi nhận được tin báo về tội phạm, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành kiểm tra, xác minh theo quy định pháp luật, ra Thông báo truy tìm vật chứng là chiếc xe máy nêu trên.

Do sau khi cầm cố M bỏ trốn và không trả tiền để chuộc lại xe nên anh K đã bán chiếc xe mô tô BKS: 88K1-5256 cho một nam thanh niên không rõ danh tính. Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe nên đã ra Thông báo truy tìm vật chứng là phù hợp.

Ngày 16/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Yêu cầu định giá tài sản số 111, yêu cầu hội đồng định giá tài sản huyện T tiến hành định giá xác định giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đỏ đen, BKS: 88K1-5256 của anh Cao Quý Đ trên cơ sở hồ sơ gốc của xe và khảo sát trên thị trường. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 31/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự huyện T kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đỏ đen, BKS: 88K1-5256 trị giá: 7.500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thông báo kết luận định giá nêu trên cho anh Đ và M biết. Tất cả đều đồng ý và không thắc mắc gì

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Đức M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKSTD ngày 16 tháng 12 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức M về tội “Lạm dụng tín chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với bị cáo M; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng.

Bị hại anh Cao Quý Đ trong quá trình điều tra trình bày các nội dung phù hợp với lời trình bày của bị cáo, người liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ. Anh Đ đã nhận số tiền bồi thường và không có ý kiến gì khác, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người liên quan trong vụ án anh Bùi Văn K và bà Đỗ Thị L trong quá trình điều tra trình bày các nội dung phù hợp với lời trình bày của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ. Bà L không có yêu cầu M phải trả lại số tiền bà đã bồi thường thay nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 28/6/2021, tại nhà của anh Kiều Anh C, sinh năm 1995 ở thôn D, xã Đạo T, huyện T, V; sau khi được anh Cao Quý Đ giao cho chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đỏ đen, BKS: 88K1-5256 để đi mua thẻ điện thoại. Lợi dụng lòng tin của anh Đ, trên đường đi mua thẻ điện thoại Nguyễn Đức M nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh Đ, nên M đã đem chiếc xe mô tô của anh Đ cầm cố cho anh Bùi Văn K tại quán điện tử “Net26.club” ở tổ dân phố M, phường K, thành phố V được số tiền 2.700.000đ, Minh sử dụng chi tiêu cá nhân hết rồi bỏ trốn và không có khả năng trả lại tài sản cho anh Đ. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 7.500.000đ.

[3]. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu

thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Nguyễn Đức M đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4]. Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo đã tác động để mẹ đẻ là bà L tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại anh Đoàn có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5]. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào do đó đáng được hưởng khoan hồng có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự vì vậy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi cũng đủ để răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật được chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo M là đối tượng không có nghề nghiệp và không có tài sản vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Đối với vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

[7.1]. Đối với chiếc mô tô BKS: 88K1-5256, quá trình điều tra xác định là của anh Cao Quý Đ, tuy nhiên chiếc xe trên sau khi anh Khoa nhận cầm cố của M đã bán cho một thanh niên không rõ tên tuổi, địa chỉ. Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe trên và đã ra thông báo truy tìm vật chứng theo quy định, khi nào tìm được xử lý sau là phù hợp.

[7.2]. Đối với số tiền 11.000.000đ bà L đứng ra bồi thường cho anh Đ thay cho M, sau khi nhận tiền anh Đ không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho M; Đối với số tiền 11.000.000đ bà L không yêu cầu M phải trả lại nên không xét.

[7.3]. Đối với số tiền 50.000đ Đ đưa cho M để mua thẻ điện thoại, quá trình điều tra M khai nhận đã sử dụng cá nhân hết. Do số tiền ít nên Đ không yêu cầu M phải trả lại cho Đ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[8]. Đối với Bùi Văn K quá trình điều tra xác định khi M cầm cố xe mô tô BKS 88K1 - 5256 cho anh K, M không nói cho anh K biết chiếc xe mô tô BKS: 88K1 - 5256 là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T không đề cập xử lý là phù hợp. Tuy nhiên K có hành vi cho vay gấp trên

05 lần mức lãi suất tối đa cho phép trong giao dịch dân sự có dấu hiệu của tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhưng số tiền thu lời bất chính là 300.000đ (dưới 30.000.000đ) và bản thân K chưa có tiền án, tiền sự về việc cho vay nặng lãi nên hành vi này không cấu thành tội phạm. Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã có công văn đề nghị Công an thành phố V xử phạt hành chính đối với K là đúng theo quy định của pháp luật.

[9]. Đối với Phùng Văn M quá trình điều tra M khai nhận không được trao đổi, bàn bạc về việc cầm cố chiếc xe mô tô của anh Đ, Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập nhưng M vắng mặt ở địa phương nên CQĐT không đề cập xử lý là phù hợp.

[10]. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức M cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh V nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- VKSND tỉnh V;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân T

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Kiều Thị T

Nguyễn Thị N

Nguyễn Xuân T

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; người có QL và NVLQ;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Dương;
- CA huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CA huyện Bình Xuyên (02 bản);
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trọng

